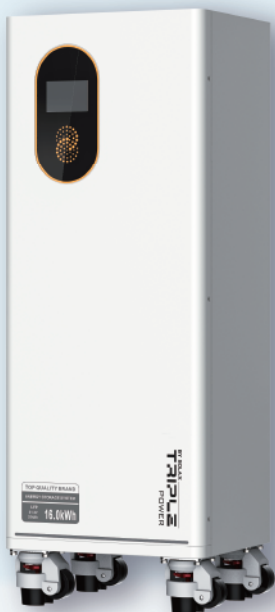
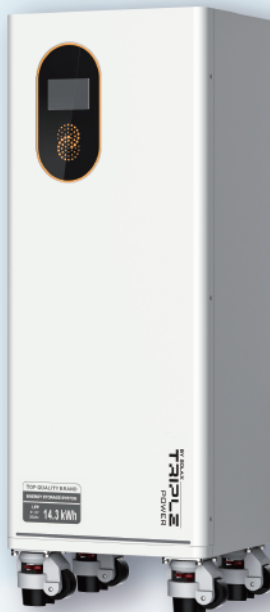


# Pin lưu trữ áp thấp



**TSYS-LD160**

16.0 kWh



**TSYS-LD143**

14.3 kWh



## Hiệu suất cao

- 16 ~ 256 kWh (LD160) / 14.3 ~ 229.3 kWh (LD143) dải dung lượng lớn
- Dòng sạc/ xả tối đa cao 155 A / 220 A (LD160), 140 A / 225 A (LD143)
- Tuổi thọ > 8000 chu kỳ



## Độ tin cậy cao

- Cấp bảo vệ IP40
- Cell pin LFP & bộ xử lý hiệu suất cao
- Hệ thống chữa cháy Aerosol bảo vệ toàn diện và chính xác



## Quản lý thông minh

- Chuẩn đoán lỗi, nâng cấp và bảo trì từ xa
- Dải nhiệt độ làm việc rộng
- Màn hình LCD dễ dàng sử dụng, thân thiện với người dùng



## Tương thích linh hoạt

- Mở rộng ối đa 16 bộ kết nối song song
- Thiết kế CTP (Cell-to-Pack) tiết kiệm không gian lắp đặt và tăng dung lượng sử dụng
- Thiết kế kèm bánh xe chịu lực giúp lắp đặt dễ dàng

| THÔNG TIN CHUNG                            |                                                |               |
|--------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------|
| Model                                      | TB-LD160                                       | TB-LD143      |
| Loại cell pin                              | LFP                                            |               |
| Khả năng mở rộng                           | Tối đa 16 bộ kết nối song song                 |               |
| Điện áp định mức                           | 51.2 Vdc                                       |               |
| Dải điện áp hoạt động                      | 42.4 ~ 57.6 Vdc                                |               |
| Năng lượng định mức                        | 16 kWh                                         | 14.3 kWh      |
| Năng lượng khả dụng (95% DOD) <sup>①</sup> | 15.2 kWh                                       | 13.6 kWh      |
| Công suất định mức                         | 7.9 kW                                         | 7.1 kW        |
| Công suất tối đa                           | 11.2 kW                                        | 11.5 kW       |
| Công suất đỉnh                             | 15.8 kW, 10s                                   | 14.3 kW, 10s  |
| Dòng sạc/ xả khuyến nghị                   | 155 A                                          | 140 A         |
| Dòng sạc/xả tối đa <sup>②</sup>            | 155 A / 220 A                                  | 140 A / 225 A |
| Độ xả sâu                                  | 95%                                            |               |
| Tuổi thọ (95% DOD) <sup>③</sup>            | > 8000 chu kỳ                                  |               |
| Kích thước (W x H x D)                     | 356 x 953 x 289mm                              |               |
| Khối lượng tịnh                            | 118.5 kg                                       | 115.5 kg      |
| Bảo hành                                   | 5 Năm                                          |               |
| MÔI TRƯỜNG                                 |                                                |               |
| Nhiệt độ sạc                               | 0 ~ +55°C                                      |               |
| Nhiệt độ xả                                | -20 ~ +55°C                                    |               |
| Phương thức làm mát                        | Làm mát tự nhiên                               |               |
| Nhiệt độ lưu trữ                           | -20 ~ +30°C (12 tháng)<br>30 ~ +60°C (6 tháng) |               |
| Độ ẩm tương đối                            | 5 ~ 95% RH (không ngưng tụ)                    |               |
| Độ cao hoạt động                           | 3000 m                                         |               |
| Phương thức lắp đặt                        | Trên sàn                                       |               |
| Bảo vệ chống xâm nhập                      | IP40                                           |               |
| Lắp đặt                                    | Trong nhà                                      |               |
| PHƯƠNG THỨC GIAO TIẾP                      |                                                |               |
| Hiển thị                                   | Đèn LED hiển thị / LCD                         |               |
| Giao thức truyền thông                     | CAN2.0 / RS485                                 |               |
| TIÊU CHUẨN                                 |                                                |               |
| Phân loại chất nguy hiểm                   | Class 9                                        |               |
| Tiêu chuẩn vận chuyển                      | UN38.3                                         |               |
| Cấp độ bảo vệ                              | Class I                                        |               |
| Tiêu chuẩn                                 | IEC 62619, CE-LVD, CE-EMC                      |               |

① Điều kiện thử nghiệm: 90% DOD, sạc & xả 0,5C tại 25°C

② Dòng sạc/xả phụ thuộc vào số lượng pin đấu song song, cũng như nhiệt độ và trạng thái sạc (SOC)

③ Điều kiện thử nghiệm: 25 ± 2°C, sạc & xả 0,5C, 70% EOL